|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂNTỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NQ-HĐND | *Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025* |
| **DỰ THẢO** |  |

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025**

**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ* *Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58 /2024/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số*[*02/2022/QĐ-TTg*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-chinh-nha-nuoc/quyet-dinh-02-2022-qd-ttg-ty-le-von-doi-ung-cua-ngan-sach-dia-phuong-giam-ngheo-ben-vung-500995.aspx)*ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc Hội khóa XV thông qua ngày 12 tháng 6 năm 2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1684/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Tuyên Quang năm 2025;*

*Xét Tờ trình số ……./TTr-UBND ngày …. tháng … năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo trình tự, thủ tục rút gọn; Báo cáo thẩm tra số: …../BC-VHXH ngày …… tháng …. năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo trình tự, thủ tục rút gọn (Sau đây gọi tắt là Chương trình).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

**Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn**

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các xã có tỷ lệ nghèo đa chiều cao.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện vốn đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

6. Đảm bảo thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021 - 2025 và lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của Chương trình để phấn đấu hoàn thành các tiêu chí tại các xã, thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

1. Quy mô dân số được xác định căn cứ vào số liệu thống kê công bố năm 2024 trên địa bàn các xã, phường của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước thời điểm sáp nhập.

2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo của các xã, phường được xác định căn cứ theo kết quả phê duyệt tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2024 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) trên địa bàn các xã, phường của tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước thời điểm sáp nhập.

**Điều 5. Quy định cụ thể tiêu chí phân bổ và xác định hệ số, định mức của từng tiêu chí**

**1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã thuộc các huyện nghèo trước khi sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp.**

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án 1 cho các xã thuộc các huyện nghèo giai đoạn 2021-2025 trước đây do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Tiêu chí phân bổ vốn: 02 tiêu chí, gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Quy mô dân số của xã** | **Hệ số** |
|  Dưới 5.000 hộ | 0,17 |
| Từ 5.000 hộ trở lên | 0,2 |
| **Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã** | **Hệ số** |
| Dưới 45% | 0,3 |
| Từ 45% đến dưới 65% | 0,4 |
| Từ 65% trở lên | 0,5 |

c) Định mức phân bổ

- Đối với vốn đầu tư phát triển: Tổng vốn hỗ trợ đầu tư phát triển phân bổ cho từng xã được tính theo công thức:

Ai= Q. Xi

Trong đó:

Ai là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã thứ i.

Xi là tổng số hệ số tiêu chí Quy mô dân số của xã, Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã thứ i.

Q là vốn bình quân cho một xã được tính theo công thức:

$$ Q= \frac{G}{\sum\_{i}^{n}Xi}$$

G là tổng vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước phân bổ cho các xã trên địa bàn tỉnh để thực hiện Tiểu Dự án 1.

- Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương cấp cho tỉnh hàng năm. Tiêu chí và định mức phân bổ vốn áp dụng như vốn đầu tư phát triển.

**2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án cho các xã, phường.

b) Tiêu chí phân bổ vốn: 02 tiêu chí, gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã, phường** | **Hệ số** |
| Dưới 15% | 0,01 |
| Từ 15% đến dưới 25% | 0,02 |
| Từ 25% đến dưới 35% | 0,03 |
| Từ 35% đến dưới 45% | 0,04 |
| Từ 45% đến dưới 55% | 0,05 |
| Từ 55% đến dưới 65% | 0,06 |
| Từ 65% đến dưới 75% | 0,08 |
| Từ 75% trở lên | 0,09 |
| **Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã, phường** | **Hệ số** |
| Dưới 200 hộ | 0,03 |
| Từ 200 đến dưới 400 hộ | 0,04 |
| Từ 400 đến dưới 600 hộ | 0,05 |
| Từ 600 đến dưới 800 hộ | 0,06 |
| Từ 800 đến dưới 1.000 hộ | 0,07 |
| Từ 1.000 đến dưới 1.200 hộ | 0,08 |
| Từ 1.200 hộ trở lên | 0,09 |

c) Định mức phân bổ

Vốn hỗ trợ phân bổ cho từng xã, phường được tính theo công thức: Ai= Q.Xi. Trong đó:

Ai là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho xã, phường thứ i.

Q là vốn bình quân cho một xã, phường được tính theo công thức:

$$ Q= \frac{G}{\sum\_{i}^{n}Xi}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương, trên cơ sở tổng số vốn nhu cầu đăng ký của các xã, phường để thực hiện Dự án 2.

Xi là tổng số hệ số tiêu chí Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã, phường và tiêu chí Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của xã, phường thứ i.

**3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

- Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương của Dự án cho các xã, phường.

- Tiêu chí và định mức phân bổ vốn: Áp dụng như đối với Dự án 2.

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

- Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 10% cho các sở, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho các xã, phường.

- Tiêu chí và định mức phân bổ vốn: Áp dụng như đối với Dự án 2.

**4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

- Đối với vốn đầu tư phát triển: Phân bổ 100% vốn đầu tư phát triển cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Phân bổ vốn trên cơ sở nhu cầu thực tế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập và theo danh mục dự án đầu tư cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết.

- Đối với vốn sự nghiệp

+ Phân bổ tối đa 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn. Tùy thuộc vào điều kiện và nhu cầu thực tế hàng năm để lựa chọn cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập được hỗ trợ và số vốn hỗ trợ.

+ Phân bổ tối thiểu 50% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án cho các xã, phường để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và hộ có thu nhập thấp.

- Tiêu chí và định mức phân bổ vốn: Áp dụng như đối với Dự án 2.

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

- Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các xã thuộc các huyện nghèo trước khi thực hiện sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp.

- Tiêu chí và định mức phân bổ vốn cho các xã, phường: Áp dụng như đối với Dự án 2.

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Đối với vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương: Phân bổ 100% cho các sở, ngành cấp tỉnh.

- Đối với vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương: Phân bổ tối đa 30% cho các sở, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các xã, phường.

- Tiêu chí và định mức phân bổ vốn cho các xã, phường: Áp dụng như đối với Dự án 2.

**5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã thuộc các huyện nghèo trước khi sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp.**

a) Căn cứ vốn nghiệp ngân sách trung ương, căn cứ nhu cầu xây dựng mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã sau sáp nhập (trong đó: Xác định rõ đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các xã sau sáp nhập là đối tượng hộ gia đình trên địa bàn các huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, trước khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp), Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí cho các xã thực hiện.

b) Định mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 9 Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg và bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định.

**6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

- Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các xã, phường.

- Tiêu chí và định mức phân bổ vốn cho các xã, phường: Áp dụng như đối với Dự án 2.

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

- Phân bổ vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ngành cấp tỉnh; tối thiểu 70% cho các xã, phường.

- Tiêu chí và định mức phân bổ vốn cho các xã, phường: Áp dụng như đối với Dự án 2.

**7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

-Phân bổ cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tối đa bằng 30% tổng mức vốn ngân sách ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 1.

- Phân bổ cho Ban Chỉ đạo cấp xã, phường tối thiểu 70% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 1.

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

- Phân bổ cho Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tối đa bằng 25% tổng mức vốn ngân sách ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 2.

- Phân bổ cho Ban Chỉ đạo cấp xã, phường tối thiểu 75% tổng mức vốn ngân sách trung ương phân bổ hàng năm của Tiểu dự án 2.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ vốn cho các xã, phường (áp dụng cho cả Tiểu dự án 1 và Tiểu dự án 2): Áp dụng như đối với Dự án 2.

**Điều 6. Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

Mức vốn ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 3% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh. Việc phân bổ vốn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình hằng năm giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn trên địa bàn tỉnh.

**Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá ……… kỳ họp thứ ….. thông qua ngày ….. tháng …. năm ….. và có hiệu lực từ ngày ….. tháng ….. năm …….

2. Nghị quyết này Bãi bỏ toàn bộ 03 Nghị quyết gồm:

a) Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

b) Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang;

c) Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình quy định tại Nghị quyết này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2021 - 2025./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ủy ban Thường vụ Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội, Chính phủ;- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường; - Bộ Dân tộc và Tôn giáo; - Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh; - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;- Ủy ban nhân dân tỉnh; - Các Ban của HĐND tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh; - Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; - Sở Tư pháp, đăng tải CSLD;- Các Sở, Ban, Ngành của tỉnh; - Văn phòng Tỉnh ủy;- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, - Văn phòng UBND tỉnh; - Thường trực HĐND, UBND các xã, phường; - Báo và Đài Phát thanh ‑ Truyền hình tỉnh;- Công báo Tuyên Quang; Cổng thông tin điện tử tỉnh; - Trang thông tin điện tử Hội đồng nhân dân tỉnh; - Lưu: VT. | **CHỦ TỊCH** |